

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KỸ NĂNG GIAO TIẾP

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360005	Nguyễn Cao Cường	12/02/2002	02MK14D1	0.0	Học lại
2	2213240197	H Chiếu Hiông	21/10/2000	02MK14B1	7.5	Đạt
3	2213240092	Hoàng Vũ Thanh Hoa	12/10/2001	02MK14B1	5.7	Đạt
4	2213240037	Hồ Tấn Hoàng	24/01/2001	02MK14B1	8.7	Đạt
5	2213360161	Võ Hoàng Minh Long	19/04/2003	02MK14D1	8.9	Đạt
6	2213360007	Võ Thị Tuyết Mai	16/11/1999	02MK14D1	8.3	Đạt
7	2213360154	Trần Văn Mạnh	14/07/2000	02MK14D1	7.4	Đạt
8	2213360360	Nguyễn Thị Thiên Nga	22/9/2004	02MK14D1	7.3	Đạt
9	2203360034	Nguyễn Quang Nhật	07/02/1998	02MK14D1	0.9	Học lại
10	2213360019	Trần Thị Hoàng Như	14/12/2002	02MK14D1	9.3	Đạt
11	2213240071	Nguyễn Nhật Phụng	02/11/1998	02MK14B1	9.0	Đạt
12	2213240039	Nguyễn Công Toại	15/02/1995	02MK14B1	8.0	Đạt
13	2213240136	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/05/1998	02MK14B1	7.7	Đạt
14	2213240129	Lê Phạm Phương Trinh	02/12/2002	02MK14B1	8.1	Đạt
15	2213360173	Nguyễn Ngọc Ái Vy	12/11/2003	02MK14D1	8.0	Đạt
16	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yên	21/04/1999	02MK14D1	8.0	Đạt

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: KÊNH PHÂN PHỐI BÁN HÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360005	Nguyễn Cao Cường	12/02/2002	02MK14D1	0.0	Học lại
2	2213240197	H Chiêu Hlông	21/10/2000	02MK14B1	6.9	Đạt
3	2213240092	Hoàng Vũ Thanh Hoa	12/10/2001	02MK14B1	9.0	Đạt
4	2213240037	Hồ Tấn Hoàng	24/01/2001	02MK14B1	8.6	Đạt
5	2213360161	Võ Hoàng Minh Long	19/04/2003	02MK14D1	3.3	Thi lại
6	2213360007	Võ Thị Tuyết Mai	16/11/1999	02MK14D1	8.9	Đạt
7	2213360154	Trần Văn Mạnh	14/07/2000	02MK14D1	8.2	Đạt
8	2213360360	Nguyễn Thị Thiên Nga	22/09/2004	02MK14D1	9.0	Đạt
9	2203360034	Nguyễn Quang Nhật	07/02/1998	02MK14D1	3.2	Thi lại
10	2213360019	Trần Thị Hoàng Như	14/12/2002	02MK14D1	9.0	Đạt
11	2213240071	Nguyễn Nhật Phụng	02/11/1998	02MK14B1	9.1	Đạt
12	2213240136	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/05/1998	02MK14B1	8.9	Đạt
13	2213240039	Nguyễn Công Toại	15/02/1995	02MK14B1	9.0	Đạt
14	2213240129	Lê Phạm Phương Trinh	02/12/2002	02MK14B1	8.9	Đạt
15	2213360173	Nguyễn Ngọc Ái Vy	12/11/2003	02MK14D1	9.1	Đạt
16	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yến	21/04/1999	02MK14D1	2.9	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: NGHIỆP VỤ MARKETING

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360005	Nguyễn Cao Cường	12/02/2002	02MK14D1	2.5	Thi lại
2	2213240197	H Chiếu Hlông	21/10/2000	02MK14B1	0.0	Học lại
3	2213240092	Hoàng Vũ Thanh Hoa	12/10/2001	02MK14B1	6.6	Đạt
4	2213240037	Hồ Tấn Hoàng	24/01/2001	02MK14B1	7.3	Đạt
5	2213360161	Võ Hoàng Minh Long	19/04/2003	02MK14D1	7.6	Đạt
6	2213360007	Võ Thị Tuyết Mai	16/11/1999	02MK14D1	6.5	Đạt
7	2213360154	Trần Văn Mạnh	14/07/2000	02MK14D1	8.1	Đạt
8	2213360360	Nguyễn Thị Thiên Nga	22/09/2004	02MK14D1	7.0	Đạt
9	2203360034	Nguyễn Quang Nhật	07/02/1998	02MK14D1	0.0	Học lại
10	2213360019	Trần Thị Hoàng Như	14/12/2002	02MK14D1	7.3	Đạt
11	2213240071	Nguyễn Nhật Phụng	02/11/1998	02MK14B1	8.0	Đạt
12	2213240136	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/05/1998	02MK14B1	7.6	Đạt
13	2213240039	Nguyễn Công Toại	15/02/1995	02MK14B1	8.1	Đạt
14	2213240129	Lê Phạm Phương Trinh	02/12/2002	02MK14B1	7.5	Đạt
15	2213360173	Nguyễn Ngọc Ái Vy	12/11/2003	02MK14D1	7.6	Đạt
16	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yến	21/04/1999	02MK14D1	2.3	Thi lại

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC HK2
MÔN: HÀNH VI KHÁCH HÀNG

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm TBM Lần 1	
					TB Môn	KQ1
1	2213360005	Nguyễn Cao Cường	12/02/2002	02MK14D1	1.1	Học lại
2	2213240197	H Chiếu Hlông	21/10/2000	02MK14B1	0.0	Học lại
3	2213240092	Hoàng Vũ Thanh Hoa	12/10/2001	02MK14B1	8.6	Đạt
4	2213240037	Hồ Tấn Hoàng	24/01/2001	02MK14B1	8.9	Đạt
5	2213360161	Võ Hoàng Minh Long	19/04/2003	02MK14D1	7.7	Đạt
6	2213360007	Võ Thị Tuyết Mai	16/11/1999	02MK14D1	8.3	Đạt
7	2213360154	Trần Văn Mạnh	14/07/2000	02MK14D1	7.3	Đạt
8	2213360360	Nguyễn Thị Thiên Nga	22/09/2004	02MK14D1	8.3	Đạt
9	2203360034	Nguyễn Quang Nhật	07/02/1998	02MK14D1	1.6	Học lại
10	2213360019	Trần Thị Hoàng Như	14/12/2002	02MK14D1	9.1	Đạt
11	2213240071	Nguyễn Nhật Phụng	02/11/1998	02MK14B1	8.6	Đạt
12	2213240136	Nguyễn Thị Thu Thảo	11/05/1998	02MK14B1	7.8	Đạt
13	2213240039	Nguyễn Công Toại	15/02/1995	02MK14B1	8.9	Đạt
14	2213240129	Lê Phạm Phương Trinh	02/12/2002	02MK14B1	8.3	Đạt
15	2213360173	Nguyễn Ngọc Ái Vy	12/11/2003	02MK14D1	8.9	Đạt
16	2213360058	Nguyễn Thị Kim Yến	21/04/1999	02MK14D1	7.9	Đạt